

ĐIỀU TRA, MÔ TẢ CÁC GIỐNG LÚA BẢN ĐỊA CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI THÁI TẠI XÃ SI PA PHÌN, HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lò Văn Huỳnh, Bùi Thị Cúc

Trường Đại học Lâm nghiệp

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.2022.4.040-046>

TÓM TẮT

Si Pa Phìn là một xã miền núi, đặc biệt khó khăn với hơn 40% là hộ nghèo của huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, hoạt động sản xuất chính của người dân nơi đây là sản xuất nông nghiệp. Cộng đồng người Thái là cộng đồng có nhiều kinh nghiệm trong canh tác nên hiện nay còn lưu giữ được nhiều giống lúa bản địa gồm Khẩu Đenh, Ma Cha, Sen Păn Hây, Ôn Long Mít Hy, Ôn Long Mít Tin và Pe Lạnh. Nghiên cứu này đã tiến hành phỏng vấn, điều tra, mô tả và đánh giá đặc điểm nông sinh học của các giống lúa bản địa trong điều kiện canh tác thực tế trên nương rẫy của cộng đồng người Thái. Kết quả đã lựa chọn được 4 giống lúa bản địa là Khẩu Đenh, Sen Păn Hây, Ôn Long Mít Hy, Pe Lạnh là các giống có năng suất cao từ 18,0 – 22,0 tạ/ha, gạo thơm, cơm dẻo và ngon, có khả năng chống chịu tốt, cứng cây trung bình ở điểm 3 - 5, độ tàn lá trung bình điểm 5 và trở thoát từ điểm 3 - 5, độ rụng hạt ở điểm 3 và được sự ưa thích cũng như chấp nhận cao của cộng đồng. Các giống lúa này cần tiếp tục đánh giá và tiến hành phục tráng để phát triển trong cộng đồng người Thái và cộng đồng các dân tộc khác tại điểm nghiên cứu trong thời gian tiếp theo.

Từ khóa: Lúa bản địa, đặc điểm nông sinh học, cộng đồng người Thái, Si Pa Phìn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam hiện có khoảng 4,3 triệu ha đất canh tác lúa, trong đó chỉ có 2,2 triệu ha là trồng được trong điều kiện thâm canh còn lại khoảng 2,1 triệu ha là canh tác trong điều kiện khó khăn như hạn, mặn, canh tác nhờ nước trời... Từ lâu cây lúa đã gắn liền và tồn tại với đời sống hàng ngày của các cộng đồng dân tộc miền núi với đa dạng về chủng loại giống, đặc biệt là các giống bản địa. Đây là nguồn cung cấp lương thực chính cho cộng đồng dân cư miền núi, vùng sâu, vùng xa của nước ta. Ưu điểm của các giống lúa bản địa là có những đặc tính chống chịu tốt, khả năng thích nghi cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và tập quán canh tác của người dân địa phương. Tuy nhiên trong quá trình canh tác lâu dài, công tác chọn lọc và bảo quản giống không tốt dẫn đến các giống lúa bản địa có hiện tượng bị thoái hóa, năng suất giảm dần, lẫn tạp nhiều, mất dần khả năng chống chịu và có khả năng bị mai một.

Xã Si Pa Phìn, huyện Nậm Pồ là một xã miền núi của tỉnh Điện Biên, là địa bàn sinh sống của các cộng đồng dân tộc Thái, Mông... trong đó người dân tộc Thái chiếm 30,2%. Sinh kế chính của cộng đồng người Thái là canh tác lúa. Mặt khác, dân tộc Thái là dân tộc có nhiều kinh nghiệm trong canh tác, lưu giữ giống lúa nên hiện nay còn có rất nhiều giống bản địa được lưu giữ

và canh tác tại đây.

Nhằm góp phần sử dụng bền vững và bảo tồn nguồn gen các giống lúa bản địa chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Điều tra, mô tả các giống lúa bản địa của cộng đồng người Thái tại xã Si Pa Phìn, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên”.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu

Với tiêu chí chọn điểm nghiên cứu đại diện về dân tộc, canh tác lúa là hoạt động chính, có sử dụng các giống lúa bản địa, chúng tôi đã lựa chọn được 3 bản trong 12 bản của xã là Bản Chiềng Nưa, bản Tân Phong, bản Tân Lập có đặc điểm dân số 100% là dân tộc Thái, với diện tích canh tác lúa bản địa là 50,3 ha trên tổng số 141,2 ha diện tích lúa của cả xã.

2.2. Phương pháp điều tra thu thập số liệu

- Sử dụng bộ công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA) với các công cụ chính như: Phỏng vấn hộ gia đình, thảo luận nhóm, phân loại xếp hạng cho điểm...

- Kế thừa số liệu thứ cấp

+ Điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của điểm nghiên cứu;

+ Báo cáo kết quả sản xuất nông lâm nghiệp của xã Si Pa Phìn năm 2021.

2.3. Phương pháp mô tả đặc điểm nông sinh học của các giống lúa

Thực hiện theo Bộ phiếu điều tra thu thập,

mô tả đánh giá quỹ gen cây trồng” của Trung tâm Tài nguyên di truyền thực vật – 2012. Mẫu phiếu điều tra, mô tả nguồn gen lúa.

Phương pháp đánh giá đặc điểm hình thái và các chỉ tiêu nông sinh học của cây lúa thực hiện theo Hệ thống tiêu chuẩn đánh giá cây lúa của IRRI - 2013.

2.4. Phân tích và xử lý số liệu

Số liệu được xử lý và phân tích bằng Microsoft Excel 2010.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng canh tác lúa bản địa tại điểm nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu hiện trạng canh tác các giống lúa bản địa của cộng đồng người Thái tại điểm nghiên cứu được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Hiện trạng canh tác các giống Lúa bản địa tại điểm nghiên cứu năm 2021

STT	Tên giống	Nhóm	Diện tích gieo trung bình(ha)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Chất lượng cơm
1	Khẩu Đenh	Tẻ	8,4	18,06	Thơm, ngon
2	Ma Cha		5,6	13,89	Không thơm, cứng
3	Sen Păn Hây	Nếp	7,9	16,67	Thơm, dẻo, ngon
4	Ón Long Mít Hy		9,5	20,00	Thơm, dẻo, ngon
5	Ón Long Mít Tin		10,2	22,22	Thơm, cứng, ngon
6	Pe Lạnh		8,6	20,84	Thơm, dẻo, ngon
Tổng			50,2		

Nguồn: UBND xã Si Pa Phìn, 2021

Qua bảng 1 cho thấy: Tại điểm nghiên cứu hiện đang canh tác 6 giống lúa bản địa, được chia thành 2 nhóm gồm 2 giống lúa tẻ và 4 giống lúa nếp. Một trong những nguyên nhân các giống lúa nếp được lựa chọn trồng nhiều hơn là do cộng đồng người Thái có thói quen và sở thích ăn cơm nếp, cơm dẻo. Các giống bản địa hiện nay được gieo trồng với diện tích trung bình dao động từ 5,6 – 10,2 ha cho một giống, trong đó nhiều nhất là giống Ón Long Mít Tin có diện tích là 10,2 ha, ít nhất là giống Ma Cha chỉ trồng 5,6 ha, các giống còn lại có diện tích trồng lần lượt là giống Khẩu Đenh 8,4 ha, giống Ón Long Mít Hy 9,5 ha, giống Sen Păn Hây 7,9 ha, giống Pe Lạnh 8,6 ha, trong tổng số 50,2 ha. Các giống có năng suất trung bình từ 13,89 – 22,22 tạ/ha, so với năng suất lúa nương trung bình toàn huyện Nậm Pồ là 16,9 tạ/ha, thì chỉ có giống Ma Cha có năng suất thấp hơn (13,89 tạ/ha) còn lại các giống đều cao hơn năng suất

toàn huyện, trong đó cao nhất là giống Ón Long Mít Tin năng suất đạt 22,22 tạ/ha, tiếp đến là giống Pe Lạnh có năng suất đạt 20,84 tạ/ha, giống Ón Long Mít Hy năng suất đạt 20,00 tạ/ha và giống Khẩu Đenh năng suất đạt 18,06 tạ/ha và giống Sen Păn Hây năng suất đạt 16,67 tạ/ha. Đánh giá về chất lượng của các giống cho thấy, hầu hết các giống cơm đều có mùi thơm, ngon và dẻo, giống Ón Long Mít Tin có mùi thơm nhưng cơm bị cứng, giống Ma Cha không thơm và cơm bị cứng hơn.

Bên cạnh hiện trạng về năng suất và diện tích thì các kinh nghiệm và kiến thức bản địa của cộng đồng người Thái trong canh tác các giống lúa bản địa được áp dụng rất nhiều trong thực tế sản xuất lúa của người dân tại điểm nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu các kiến thức bản địa của cộng đồng người Thái tại điểm nghiên cứu được tổng hợp tại bảng 2.

Bảng 2. Kiến thức bản địa trong sản xuất lúa tại điểm nghiên cứu

STT	Kiến thức/chỉ thị	Kết quả áp dụng
1	Gà gáy, Vịt, Ngan kêu, Chó sủa, chim hót cùng một lúc vào 4 – 5 giờ sáng	Báo hiệu một mùa lúa mới. Người dân chuẩn bị ruộng nương để gieo trồng. Không gieo vào ngày sinh của những thành viên trong gia đình.
2	Mật độ gieo	Đất có độ dốc cao gieo dày, độ dốc thấp thì gieo thưa hơn.
3	Chọn đất trồng	Đất mới khai hoang năm đầu để trồng lúa nếp, năm 2 – 3 để trồng lúa tẻ vì đất năm đầu thường sẽ cho năng suất cao hơn.
4	Dấu hiệu báo được mùa/ mất mùa	Chim bay vào nhà vào buổi tối thì mùa đó sẽ bị chim phá hoại và mất mùa, cần chuẩn bị lương thực cho mùa đó. Đang cày và gieo hạt mà quạ kêu bay quanh vòng thì năm đó sẽ được mùa.

Kiến thức bản địa (indigenous knowledge), kiến thức địa phương (local knowledge) hay tri thức truyền thống (traditional knowledge) là hệ thống tri thức mà người dân ở một cộng đồng tích lũy và phát triển dựa trên kinh nghiệm, đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn và thường xuyên thay đổi để thích nghi với môi trường văn hóa, xã hội (Trần Văn Điền; Hồ Ngọc Sơn, 2014).

Quá trình điều tra, phỏng vấn tại điểm nghiên cứu, chúng tôi đã phỏng vấn những người có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp và canh tác lúa. Những kiến thức này được đúc kết từ quá trình sản xuất, trong cuộc sống và lao động tại địa phương – những kiến thức đóng vai trò quan trọng to lớn đối với cộng đồng người Thái tại đây. Kết quả bảng 2 cho thấy người dân tộc

Thái biết vận dụng những kiến thức về thời tiết, đặc điểm của đất đai, đặc biệt là những dấu hiệu/chỉ thị để chọn đất, chọn ngày gieo hạt và dự báo được mùa màng như thế nào. Những kiến thức này được người dân vận dụng trong nhiều năm và đúc kết truyền lại cho con cháu.

3.2. Đặc điểm hình thái các giống lúa bản địa tại điểm nghiên cứu

Đặc điểm hình thái là những đặc điểm mang tính đặc trưng cho giống, là những đặc điểm để phân loại các giống cây trồng nói chung và giống lúa nói riêng. Chúng tôi đã tiến hành mô tả, đánh giá đặc điểm hình thái của các giống lúa bản địa đang được gieo trồng trên nương rẫy của cộng đồng người Thái tại điểm nghiên cứu, kết quả được tổng hợp tại bảng 3 và bảng 4.

Bảng 3. Đặc điểm hình thái thân, lá của các giống lúa bản địa của cộng đồng người Thái tại điểm nghiên cứu

Đặc điểm	Tính trạng	Khẩu Đenh	Ma Cha	Sen Păn hây	Ốn Long Mít Hy	Ốn Long Mít Tỉn	Pe Lạnh
Lá	Chiều dài lá (cm)	39,2	35,5	38,3	40,1	39,6	42,2
	Chiều rộng lá (cm)	1,3	1,2	1,4	1,4	1,4	1,5
	Màu sắc phiến lá	Xanh TB	Xanh nhạt	Xanh TB	Xanh nhạt	Xanh đậm	Xanh nhạt
	Lông ở phiến lá	Không	Không	Không	Không	Ít	Không
	Góc lá	Đứng	Đứng	Đứng	Đứng	Đứng	Đứng
	Màu cổ lá	xanh	Xanh nhạt	Xanh	Xanh	Xanh	Tím
	Màu tai lá	Xanh nhạt	Xanh nhạt	Xanh nhạt	Xanh nhạt	Xanh nhạt	Tím
	Hình dạng của thìa lia	Hai lưỡi kìm	Hai lưỡi kìm	Hai lưỡi kìm	Hai lưỡi kìm	Hai lưỡi kìm	Hai lưỡi kìm
Thân	Màu sắc thìa lia	Trắng	Trắng	Trắng	Trắng	Trắng	Trắng
	Sọc tím ở đốt	Không	Không	Không	Không	Không	Không
	Sọc tím ở lóng	Không	Không	Không	Không	Không	Có
	Chiều cao cây (cm)	110,1	60,6	106,4	86,8	100,9	102,5

Bảng 4. Đặc điểm hình thái bông và hạt của các giống lúa bản địa của cộng đồng người Thái tại điểm nghiên cứu

Đặc điểm	Tính trạng	Khẩu Đenh	Ma Cha	Sen Păn Hây	Ón Long Mít Hy	Ón Long Mít Tìn	Pe Lạnh
Bông	Màu sắc vòi nhụy	Tím nhạt	Tím nhạt	Trắng	Vàng	Vàng	Tím
	Màu râu	Đen	Vàng nhạt	Vàng nhạt	Vàng nhạt	Đen	Đỏ nhạt
	Sự phân bố của râu	Chỉ có ở đỉnh bông	Chỉ có ở đỉnh bông	Có tới 3/4	Chỉ có ở đỉnh bông	Chỉ có ở đỉnh bông	Chỉ có ở đỉnh bông
	Dạng bông	Mở	Chụm	Mở	Mở	Mở	Chụm
	Trục bông	Uốn xuống	Thẳng đứng	Uốn xuống	Uốn xuống	Uốn xuống	Thẳng đứng
	Dài bông (cm)	25,2	16,5	27,1	25,8	26,5	19,6
Hạt	Màu vỏ trấu	Vàng nhạt	Nâu	Vàng	Đỏm nâu	Vàng	Vàng rơm
	Độ phủ lông của vỏ trấu	Có lông ngắn	Có lông ngắn	Nhẵn	Có lông phân trên	Nhẵn	Nhẵn
	Màu vỏ hạt	Vàng	Nâu	Vàng	Vàng	Vàng	Vàng
	Màu hạt gạo	Hơi đỏ	Đỏ	Nửa đen	Trắng đục	Trắng đục	Trắng trong
	Chiều dài hạt thóc (mm)	7,3	8,3	9,4	9,4	9,2	7,4
	Chiều rộng hạt thóc (mm)	3,1	3,2	3,6	3,8	3,7	3,2

Qua bảng 3 và 4 cho thấy:

Các giống có chiều dài lá từ 35,5 – 42,2 cm, dài nhất là giống Pe Lạnh, ngắn nhất là giống Ma Cha. Chiều rộng lá của các giống lúa biến động từ 1,2 – 1,5 cm, rộng nhất là giống Pe Lạnh, hẹp nhất là giống Ma Cha. Các giống đều có góc lá đứng, cổ lá và tai lá màu xanh, không có lông phủ trên lá, chỉ có giống Pe Lạnh có tai lá và cổ lá màu tím. Trạng thái phiến lá chủ yếu là ngang chỉ có Sen Păn Hây có trạng thái phiến lá thẳng.

Trên thân của các giống không có sọc tím ở đốt hay không có sắc tố antoxian, chỉ có Pe Lạnh có sọc tím ở lóng hay có sắc tố antoxian trên lóng. Chiều cao cây cuối cùng biến động từ 60,6 – 110,1 cm, phân nhóm giống có 4 giống thuộc nhóm có chiều cao trung bình là Khẩu Đenh, Sen Păn Hây, Ón Long Mít Tìn và Pe Lạnh, có 2 giống thuộc nhóm bán lùn là Ón Long Mít Hy và Ma Cha. Kết quả đánh giá các giống phù hợp với nghiên cứu của nhóm tác giả Đoàn Thanh Quỳnh và cộng sự (2016) khi đánh giá đặc điểm nông sinh học nguồn gen lúa nếp địa phương được thu thập và đánh giá tại huyện

Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Quan sát hình thái bông của các giống cho thấy màu sắc vòi nhụy của các giống có màu tím là Pe Lạnh, tím nhạt là Khẩu Đenh và Ma Cha, màu trắng là Sen Păn Hây, 2 giống có màu vàng là Ón Long Mít Tìn và Ón Long Mít Hy. Các giống đều có râu trên bông nhưng 5 giống chỉ có râu ở đỉnh bông còn giống Sen Păn Hây có râu tới 3/4 bông. Dạng bông mở, trục bông uốn xuống chỉ có giống Ma Cha và Pe Lạnh là dạng bông chụm và trục bông thẳng đứng. Độ dài bông của các giống lúa biến động từ 16,5 – 27,1 cm, cao nhất là giống Sen Păn Hây 27,1 cm, thấp nhất là giống Ma Cha 16,5 cm.

So với kết quả nghiên cứu về đặc tính nông sinh học của nguồn gen lúa thu thập tại Thanh Hóa của nhóm tác giả Vũ Đăng Toàn cùng cộng sự (2019), có chiều dài lá trung bình là 48,95±9,34 cm, chiều rộng lá trung bình là 1,29±0,62 cm thì các giống bản địa tại điểm nghiên cứu có chiều dài lá thấp hơn và chiều rộng lá thì tương đương. Chiều cao cây thấp hơn (118,31±28,71 cm) và thời gian sinh trưởng của các giống dài hơn với kết quả nghiên cứu của nhóm.

Quan sát hạt thóc của các giống cho thấy: Màu sắc vỏ trấu của các giống có màu nâu (Ma Cha), đốm nâu (Ón Long Mít Hy), vàng (Sen Păn Hây, Ón Long Mít Tin) và còn lại là giống có vỏ trấu màu vàng nhạt. Các giống có mỏ hạt màu vàng, chỉ có giống Ma Cha mỏ có màu nâu giống như màu vỏ trấu. Hạt gạo của các giống khác nhau, các giống có hạt gạo trắng đục đặc trưng của nhóm lúa nếp là Ón Long Mít Hy và Ón Long Mít Tin, giống Pe Lạnh thuộc nhóm nếp nhưng lại hạt gạo lại có màu trắng hơi trong,

giống Sen Păn Hây lại có hạt gạo màu đen (người dân tộc khác nơi đây thường gọi là nếp cẩm) hai giống thuộc nhóm tẻ có hạt gạo màu đỏ và hơi đỏ (thường gọi là tẻ đỏ). Chiều dài hạt của các giống Lúa biến động từ 7,3 – 9,4 mm, dài nhất là giống Sen Păn Hây và Ón Long Mít Hy 9,4 mm, ngắn nhất là giống Khâu Đanh 7,3 mm. Chiều rộng hạt biến động từ 3,3 – 3,8 mm, rộng nhất là giống Ón Long Mít Hy 3,6 mm, ngắn nhất là giống Khâu Đanh 3,1 mm.



Hình 1. Hạt của các giống lúa bản địa của cộng đồng người Thái tại điểm nghiên cứu

3.3. Đặc điểm nông sinh học của các giống bản địa tại điểm nghiên cứu

3.3.1. Thời gian sinh trưởng của các giống

Thời gian sinh trưởng là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong việc đánh giá và lựa chọn

giống lúa. Thời gian sinh trưởng được tính từ lúc gieo hạt đến chín hoàn toàn. Đánh giá tổng thời gian sinh trưởng và các giai đoạn sinh trưởng của các giống bản địa tại điểm nghiên cứu được tổng hợp tại bảng 5.

Bảng 5. Thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng của các giống lúa bản địa tại điểm nghiên cứu

STT	Tên giống	Từ gieo đến... (ngày)			
		Mọc	Trổ	Chín	Tổng TGST
1	Khâu Đanh	10	102	147	147
2	Ma Cha	12	100	148	148
3	Sen Păn Hây	8	104	152	152
4	Ón Long Mít Hy	10	108	158	158
5	Ón Long Mít Tin	8	108	156	156
6	Pe Lạnh	6	106	155	155

Kết quả bảng 5 cho thấy, các giống khác nhau thì có thời gian từ gieo đến mọc khác nhau, dao động từ 6 - 12 ngày, thời gian từ gieo đến

mọc nhanh nhất là giống Pe Lạnh (6 ngày), mọc chậm nhất là giống Ma Cha (12 ngày). Các giống có thời gian từ mọc đến trổ rất dài dao

động từ 100 – 108 ngày, trong đó nhóm lúa tẻ trổ sớm hơn nhóm lúa nếp từ 2- 6 ngày. Sau trổ khoảng từ 43 - 50 ngày thì lúa chín. Tổng thời gian sinh trưởng của các nhóm dao động từ 147 – 158 ngày, đều thuộc nhóm lúa dài ngày, hai giống lúa tẻ là Khâu Đenh và Ma Cha có thời gian sinh trưởng từ 147- 148 ngày, các giống lúa nếp có thời gian sinh trưởng đều trên 150 ngày,

như giống Ôn Long Mít Hy lên đến 158 ngày.
 3.3.2. Một số đặc điểm nông học khác của các giống bản địa tại điểm nghiên cứu

Một số đặc điểm nông sinh học khác như tập tính sinh trưởng, độ cứng cây, độ tàn lá... của các giống nghiên cứu được đánh giá theo Hệ thống tiêu chuẩn đánh giá cây lúa của IRRI (2013). Kết quả được tổng hợp tại bảng 6.

Bảng 6. Một số đặc điểm nông học khác của các giống bản địa tại điểm nghiên cứu

STT	Tên giống	Tập tính sinh trưởng	Độ cứng cây (điểm)	Độ tàn lá (điểm)	Độ thoát cỏ bông (điểm)	Độ rụng hạt (điểm)
1	Khâu Đenh	Đứng	7	5	5	5
2	Ma Cha	Nửa đứng	5	5	7	5
3	Sen Păn Hây	Đứng	3	5	7	3
4	Ôn Long Mít Hy	Đứng	3	5	5	3
5	Ôn Long Mít Tín	Đứng	5	5	3	3
6	Pe Lạnh	Nửa đứng	5	7	3	3

Qua bảng 6 cho thấy các giống có tập tính sinh trưởng dạng đứng, chỉ có Ma Cha và Pe Lạnh có dạng nửa đứng. Về độ cứng cây của các giống có 2 giống có độ cứng ở mức cứng trung bình (điểm 3) là Sen Păn Hây và Ôn Long Mít Hy, các giống Ma Cha, Ôn Long Mít Tín và Pe Lạnh có độ cứng trung bình (ở điểm 5), còn Khâu Đenh có độ cứng cây ở mức yếu (điểm 7). Về độ tàn lá của các giống đều ở mức trung bình (điểm 5), khi đánh giá thì các lá trên đã biến vàng, chỉ có giống Pe Lạnh là tàn lá sớm và nhanh (điểm 7). Độ thoát cỏ bông được sử dụng để đánh giá khả năng trổ của bông lúa – việc trổ không thoát cỏ bông là nhược điểm của các giống lúa, các giống này có độ thoát cỏ bông chỉ ở mức trung bình (điểm 3 - thoát trung bình) với 2 giống là Pe Lạnh, Ôn Long Mít Tín, hai giống Khâu Đenh và Ôn Long Mít Hy thoát vừa đúng cỏ bông (điểm 5), giống Ma Cha và Sen Păn Hây chỉ thoát 1 phần (điểm 7), đây cũng là nguyên nhân mà năng suất của 2 giống Ma Cha và Sen Păn Hây thấp hơn các giống còn lại. Một chỉ tiêu có liên quan đến việc giảm năng suất và sản lượng khi thu hoạch và sau thu hoạch là độ rụng hạt, các giống thuộc nhóm nếp khó rụng hơn nhóm tẻ, các giống Sen Păn Hây, Ôn Long Mít Hy, Ôn Long Mít Tín và Pe Lạnh có độ rụng hạt ở mức khó vừa (điểm 3), còn 2 giống lúa tẻ là Khâu Đenh và Ma Cha có độ rụng trung bình (điểm 5).

Trên cơ sở đánh giá, mô tả các đặc điểm hình thái, đặc điểm nông sinh học các giống lúa bản

địa cùng với sự thảo luận, lựa chọn của cộng đồng, chúng tôi đã lựa chọn được 4 giống gồm Khâu Đenh, Sen Păn Hây, Ôn Long Mít Hy và Pe Lạnh để tiếp tục đánh giá, đưa vào phục tráng và phát triển trong cộng đồng người Thái và cộng đồng khác tại điểm nghiên cứu.

4. KẾT LUẬN

Si Pa Phìn là một xã miền núi, đặc biệt khó khăn với hơn 40% là hộ nghèo của huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, hoạt động sản xuất chính của các cộng đồng là sản xuất nông nghiệp. Trong đó diện tích để canh tác lúa nước ít, chủ yếu là canh tác lúa nương nên các giống lúa bản địa gieo trồng trên nương là rất quan trọng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy hiện nay có 6 giống lúa bản địa của cộng đồng người Thái gồm Khâu Đenh, Ma Cha, Sen Păn Hây, Ôn Long Mít Hy, Ôn Long Mít Tín và Pe Lạnh đang được canh tác nhiều tại điểm nghiên cứu. Các giống được chia thành 2 nhóm: gồm nhóm lúa tẻ có 2 giống (Khâu Đenh và Ma Cha), nhóm lúa nếp có 4 giống (Sen Păn Hây, Ôn Long Mít Hy, Ôn Long Mít Tín và Pe Lạnh), với diện tích canh tác dao động từ 5,6 – 10,2 ha. Năng suất trung bình đạt từ 13,8- 22,2 tạ/ha. Chúng tôi đã tiến hành mô tả và đánh giá đặc điểm nông sinh học của các giống lúa bản địa trong điều kiện canh tác thực tế trên nương rẫy của cộng đồng người Thái.

Kết quả cho thấy các giống thuộc nhóm có bản lá trung bình, chiều cao cây ở dạng bán lùn và trung bình, thời gian sinh trưởng thuộc nhóm

dài ngày. Các giống có năng suất khá cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu tốt, cứng cây, ít rụng hạt, độ tàn lá ở mức trung bình và có độ thoát cỏ bông khá tốt.

Kết hợp với thảo luận, lựa chọn của người dân trong cộng đồng, chúng tôi đã lựa chọn được 4 giống là Khẩu Đenh, Sen Păn Hây, Ón Long Mít Hy, Pe Lạnh là các giống có và được sự ưa thích cũng như chấp nhận cao của cộng đồng để đánh giá và đưa vào phục tráng, để phát triển trong cộng đồng người Thái và cộng đồng khác tại điểm nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2022), *Khai thác và phát triển nguồn gen 4 giống lúa Đèo Dàng, Pude, Blechau và Khẩu dao cho các tỉnh miền núi phía Bắc*.
2. Phạm Văn Do (2011), *Phục tráng và nâng cao chất lượng giống lúa TNDB – 100 cho tỉnh Sóc Trăng*, Báo cáo tổng kết “Kết quả thực hiện đề tài thuộc dự án Khoa học Công nghệ Nông nghiệp vốn vay ADB giai đoạn 2009 – 2011”. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3. Trần Văn Điền, Hồ Ngọc Sơn (2014), *Kiến thức bản địa của dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc trong thích ứng với Biến đổi khí hậu*. Trung tâm ADV, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.
4. Đinh Thế Lộc (2006), *Giáo trình kỹ thuật trồng Lúa*. Nhà xuất bản Hà Nội.
5. Vũ Đăng Toàn, Phan Thị Nga, Bùi Thị Thu

Huyền, Vũ Đăng Tường, Lê Tuấn Nghĩa, Ngô Đức Thế, (2021), *Nghiên cứu đặc tính nông sinh học của các nguồn gen lúa thu thập tại Thanh Hóa*, Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, số 2 (99).

6. Phòng Nông nghiệp huyện Nậm Pồ (2022). *Báo cáo kết quả sản xuất nông lâm nghiệp huyện Nậm Pồ năm 2021*.

7. Đoàn Thanh Quỳnh, Nguyễn Thị Hào, Vũ Thị Thu Hiền, Trần Văn Quang (2016), *Đánh giá đa dạng di truyền nguồn gen lúa nếp địa phương dựa trên kiểu hình và chỉ thị phân tử*, Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, tập 14, số 4: 527-538.

8. Ủy ban nhân dân xã Si Pa Phin (2021), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo QP, AN 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 3 tháng cuối năm 2021*.

9. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Trung tâm Tài nguyên Thực vật (2012), Quyết định số 144/QĐ-TTNN-KH ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Giám đốc Trung tâm tài nguyên thực vật v/v ban hành “*Bộ phiếu thu thập, mô tả, đánh giá quỹ gen cây trồng*”.

10. IRRI (2013), *Standard Evaluation System for rice*, 5th edition June.

11. Keszthely, Hungary (2005), *Traditional Local Varieties Between Traditions And Sustainable Agriculture*. University of Trieste

12. FAO (2022), <https://www.fao.org/faostat/en/#data/OCL>

13. Tổng cục Thống kê (2022), <https://www.gso.gov.vn/>

INVESTIGATION AND DESCRIPTION OF CULTIVATION OF INDIGENOUS RICE VARIETIES OF THAI COMMUNITY IN SI PA PHIN COMMUNE, NAM PO DISTRICT, DIEN BIEN PROVINCE

Lo Van Huynh, Bui Thi Cuc

Vietnam National University of Forestry

SUMMARY

Si Pa Phin is a mountainous commune, especially which is difficult with more than 40% of poor households in Nam Po district, Dien Bien province, the main livelihood community is agricultural production. The Thai community has some experience in farming so they also have kept some indigenous rice varieties such as Khau Denh, Ma Cha, Sen Pan Hay, On Long Mít Hy, On Long Mít Tin, and Pe Lanh. We have carried out the description and evaluation of agro-biological characteristics of indigenous rice varieties in the actual cultivation conditions in the upland of the Thai community. Based on discussion and selection of the community, we have selected 4 varieties: Khau Denh, Sen Pan Hay, On Long Mít Hy, and Pe Lanh, which are high-yielding varieties from 18.0 to 22.0 quintals/ha, fragrant rice, soft and delicious rice, with good tolerance, culm strength from 3-5 points, leaf senescence at 5 points and panicle exertion from 3-5 points, panicle thresh ability at 3 points, and be liked and accepted by the community for evaluation and restoration for development in the Thai community and other communities at the study area in the future.

Keywords: Agro-biological characteristics, indigenous rice, Si Pa Phin, the Thai community.

Ngày nhận bài : 09/6/2022

Ngày phản biện : 14/7/2022

Ngày quyết định đăng : 28/7/2022